

Bản án số: 180/2024/DS-PT
Ngày: 06-8- 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Lại Hiệp Phong;

Bà Trịnh Ngọc Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLPT- DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ung Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ G, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1967; Nơi cư trú: tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hồ Thu N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số E, Nguyễn Tri P, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ung Văn T trình bày:*

Do quen biết nên đầu năm 2019, ông T có cho bà N vay tổng số tiền 400.000.000, lãi suất 20%/năm, không xác định thời hạn vay, cụ thể như sau: Giao trực tiếp tiền mặt vào các ngày 04/02/2019 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 27/3/2020 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 08/7/2020 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 17/7/2020 số tiền 100.000.000 đồng; Chuyển khoản ngày 05/10/2021 số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V số 0471000322003 của bà N.

Quá trình vay, bà N trả lãi đầy đủ đến ngày 05/10/2021 thì ngưng không trả lãi, nên ngày 15/11/2021, ông T yêu cầu trả nợ thì bà N trả được vốn vay 200.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng và tiền lãi. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 05/10/2021 cho đến khi xét xử và thi hành án.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồ Thu N trình bày:* Bà N1 và ông T hợp tác để hùn với nhau cho vay đáo hạn, có nhận số tiền 400.000.000 đồng của ông T theo thời gian như ông T trình bày. Sau đó, bà N1 đã trả cho ông T 200.000.000 đồng tại trước cổng UBND phường V và trả thêm 200.000.000 đồng cho bà N2 (vợ ông T) tại nhà của bà N1, khi trả không có lập biên nhận và không có người làm chứng, không nhớ rõ thời gian trả. Do đó, bà N1 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông T.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Huỳnh Thị N3 trình bày:* Ông T là chồng bà N3, do ông T có cho bà N1 vay tiền nên bà N3 có biết bà N1, bà N3 không liên quan đến số tiền này và không có nhận bất cứ số tiền nào mà bà N1 gửi đưa cho ông T.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang đã quyết định:*

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ung Văn T.

Buộc bà Hồ Thu N có trách nhiệm trả cho ông Ung Văn T số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng (trong đó vốn gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 90.000.000 đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10/6/2024, bị đơn bà Hồ Thu N có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm 20/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh H đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Ung Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn bà Hồ Thu N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà N có ý kiến: Bà không vay tiền của ông T mà do bà làm Tổ hợp tác vay vốn cho người khác đáo hạn ngân hàng nên có nhận tiền của ông T cho người ta vay đáo hạn, có chia lãi cho ông T và đã trả xong vốn, nếu có chỉ còn nợ tiền lãi nên bà không đồng ý trả số tiền vốn 200.000.000 đồng như án sơ thẩm tuyên. Hiện tại bà gặp khó khăn do có một số người vay xong không trả và đã chết nên bà chưa thu hồi được tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn ông T do ông H đại diện ủy quyền có ý kiến: không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà N, giai đoạn sơ thẩm đã chia sẽ bớt phần tiền lãi cho bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bị đơn là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C và bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Hồ Thu N làm đơn kháng cáo và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thu N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ông Ung Văn T cho rằng cho bà Hồ Thu N vay nhiều lần, tổng số vốn vay là 400.000.000 đồng. Bà N1 thừa nhận có nhận 400.000.000 đồng của ông T nên đây là tình tiết không phải phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, giữa ông T và bà N1 có giao kết hợp đồng vay tiền, việc giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Bà N1 cho rằng đã trả cho ông T đủ số tiền 400.000.000 đồng (trả trực tiếp cho ông T 200.000.000 đồng, trả cho bà N3 200.000.000 đồng để chuyển cho ông T), khi trả tiền không có lập biên nhận hay người làm chứng. Ông T chỉ thừa nhận bà N1 trả được 200.000.000 đồng, còn nợ 200.000.000 đồng; bà N3 không thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng của bà N1. Ngoài lời khai này của bà N1, không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh cho việc bà N1 đã trả số tiền 200.000.000 đồng còn lại cho ông T nên cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến trình bày của bà N1 về việc đã trả lại cho ông T số tiền vốn 200.000.000 đồng do bà N3 nhận là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, vì nghĩa vụ chứng minh đã trả tiền là của bà N1. Nay bà N1 không thực hiện trả nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu bà N1 có trách nhiệm trả vốn vay 200.000.000 đồng là có căn cứ nên được cấp sơ thẩm chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Ông T yêu cầu tính lãi suất 20%/năm. Bà N1 cho rằng giữa ông T với bà N1 hùn vốn cho vay, với lãi suất là 3.000.000 đồng/100.000.000đồng/ngày (tương đương 1.080%/năm); nhưng ông T không thừa nhận, ngoài lời khai không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) là phù hợp và tính ngày 05/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2024), cụ thể: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 30 tháng 17 ngày = 101.488.000 đồng. Tuy nhiên, ông T chỉ yêu cầu bà N1 trả số tiền lãi 90.000.000 đồng là có lợi cho bà N1 nên cấp sơ thẩm buộc bà N1 có trách nhiệm trả cho ông T tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 290.000.000 đồng, trong đó vốn 200.000.000đồng, lãi 90.000.000đồng là có căn cứ.

Nay bị đơn bà N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thu N.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ung Văn T.

Buộc bà Hồ Thu N có trách nhiệm trả cho ông Ung Văn T số tiền 290.000.000 (*hai trăm chín mươi triệu*) đồng, trong đó vốn gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm:

Ông Ung Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông T số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003605 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Hồ Thu N là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thu N được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THA-DS TP. Châu Đốc;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

